

Máy đo & điện cực sensION™+

Điện hóa học



Hach sensION+, hệ thống tất cả trong một với các hướng dẫn sử dụng giúp cho việc kiểm tra điện hóa học nhanh và đơn giản. Mỗi hệ thống được thiết kế để sử dụng cho những ứng dụng đa dạng và hoàn chỉnh, trang bị mọi thứ bạn cần để bắt đầu việc phân tích.



Đặc điểm & lợi ích

Hoàn chỉnh với mọi thứ mà bạn cần để bắt đầu phân tích

Tất cả các bộ kit trang bị hoàn chỉnh gồm máy đo, điện cực, vali chứa thiết bị và tất cả phụ kiện yêu cầu khác, giúp đơn giản hóa việc lấy kit và bắt đầu test ngay lập tức.

Đo đạc đơn giản và nhanh chóng

Menu điều hướng có chỉ dẫn cho phép bạn thực hiện theo các bước hướng dẫn đơn giản để thiết lập đo đạc – rút ngắn thời gian cần thiết để bắt đầu test và nâng cao độ chính xác của việc phân tích.

Có khả năng ứng dụng đa dạng, rộng khắp

Nhiều loại điện cực gắn với sensION+ có nghĩa là bạn có quyền chọn lựa điện cực thích hợp cho các môi trường phân tích.



DW = nước uống WW = nước thải sinh hoạt PW = nước tinh khiết / điện
IW = nước công nghiệp E = môi trường C = thu gom FB = thực phẩm và giải khát



Be Right™

DW

WW

PW

IW

FB

E

Máy sensION+ cầm tay



Hach sensION+, hệ thống tất cả trong một với các hướng dẫn sử dụng giúp cho việc kiểm tra điện hóa học nhanh và đơn giản

Thông số

	PH1 Máy đo pH cầm tay, cơ bản	MM110 Máy đo pH/ORP cầm tay, điện cực đa thông số	EC5 Máy đo độ dẫn điện cầm tay	DO6 Máy đo oxy hòa tan cầm tay	MM150 Máy đo đa chỉ tiêu, điện cực đa thông số
Nhiệt độ	■	■	■	■	■
pH	■	■			■
Độ dẫn điện			■		■
Độ mặn			■		■
TDS			■		■
Oxy hòa tan				■	
ORP/Redox	■	■			■
Mã sản phẩm	LPV2500.97.0002	LPV2600.97.0002	LPV3500.97.0002	LPV4500.97.0002	LPV4000.97.0002

Thông số kỹ thuật máy đo cầm tay sensION+

Nguồn

Pin AA (thời gian sử dụng pin: tùy thuộc từng mẫu, đối với máy đo pH > 500 giờ)

Chỉ dẫn

Điện áp thấp và tuân theo EMC 2004/95/EC. Hợp chuẩn 2004/108/EC

Ngôn ngữ

Giao diện sử dụng là ngôn ngữ độc lập (dựa vào biểu tượng).

Màn hình

LCD với đèn nền sáng (128 x 64 dot), 46x62 mm (vùng khả kiến)

Sự điều chỉnh/bù trừ nhiệt độ

pH: tự động bù trừ nhiệt độ nhờ cảm biến Pt 1000, NTC 10kOhm bên trong

EC: TC (hệ số nhiệt độ) tuyến tính, 0.00 đến 9.99 % /°C. Không tuyến tính đối với nước tự nhiên (UNE EN 27888). TR (nhiệt độ tham chiếu) 20°C (68°F), 25°C (77°F) hay giá trị trong khoảng 0 đến 99°C (0 đến 210°F).

Điều chỉnh lại nhiệt độ

Điều chỉnh chênh lệch nhiệt độ của điện cực (A.T.C.) ở 25°C (77°F) và 85°C (185°F).

Hiệu chuẩn pH

DIN 19267: pH 2.00, 4.01, 7.00, 9.21 và 10.01 [các giá trị ở 25°C (77°F)], bảng tay hay theo lý thuyết.

Hiệu chuẩn mV

Tự động nhận diện dung dịch chuẩn redox 220 mV ở 25°C (77°F). Hiệu chuẩn tại bất kì giá trị mV nào.

Hiệu chuẩn độ dẫn điện

Dung dịch chuẩn: 147 µS/cm, 1413 µS/cm, 12.88 mS/cm và 111.8 mS/cm [các giá trị ở 25°C (77°F)]. Hiệu chuẩn thủ công hoặc gán giá trị hằng số cell tại 1.000 cm⁻¹.

Hệ số chuyển đổi sang TDS

Giá trị từ 0 đến 4.44. Mặc định là 0.64.

Chống thấm nước

IP67

Kích thước

186 x 74 x 38 mm

Vật liệu

Vỏ bên ngoài, ABS và PC. Phim bấm, PET có xử lý bảo vệ

Khối lượng

300 g

Máy sensION+ để bàn

Mỗi hệ thống được thiết kế để sử dụng cho những ứng dụng đa dạng rộng khắp và hoàn chỉnh với thanh cảm điện cực, khuấy từ để bắt đầu việc phân tích.



Thông số	PH3 Máy đo pH để bàn cơ bản	PH31 Máy đo pH để bàn, chuẩn GLP	EC7 Máy đo độ dẫn điện để bàn	EC71 Máy đo độ dẫn điện để bàn, GLP	MM340 Máy đo đa thông số để bàn	MM374 Máy đo đa thông số để bàn
Nhiệt độ	■	■	■	■	■	■
pH	■	■			■	■
Độ dẫn điện			■	■		■
Độ muối			■	■		■
TDS				■		■
ORP/Redox	■	■			■	■
Nitrate					■	■
Fluoride					■	■
Sodium					■	■
Chloride					■	■
Ammonia					■	■
Ammonium					■	■
Mã sản phẩm	LPV2000.97.0002	LPV2100.97.0002	LPV3010.97.0002	LPV3110.97.0002	LPV2200.97.0002	LPV4110.97.0002

Nguồn

Nguồn điện ngoài 100 – 240V, 0.4A, 47 – 63 Hz, với đầu nối adapter

Chỉ dẫn

Điện áp thấp và tuân theo EMC 2004/95/EC. Hợp chuẩn 2004/108/EC

Ngôn ngữ

Giao diện người sử dụng: Tiếng Anh, Tiếng Đức, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Ý, và Tiếng Bồ Đào Nha

Màn hình

LCD với đèn nền sáng (128 x 64 dot), 35 x 68 mm (vùng khả kiến)

Bộ nhớ dữ liệu

400 điểm mỗi kênh đo
(330 điểm cho model đo pH)

Lưu trữ dữ liệu

Tính năng GLP (Date/Time, Sample ID, User ID)

Xuất dữ liệu

RS-232C cho máy in và PC
(USB-RS-232C có adapter)

Sự điều chỉnh/bù trừ nhiệt độ

pH: tự động bù trừ nhiệt độ nhờ cảm biến Pt 1000, NTC 10kOhm bên trong. Điểm isopotential pH có thể thiết lập, giá trị chuẩn pH 7.00

EC: TC (hệ số nhiệt độ) tuyến tính, 0.00 đến 9.99 % /°C. Không tuyến tính đối với nước tự nhiên (UNE EN 27888). TR (nhiệt độ tham chiếu) 20°C (68°F), 25°C (77°F) hay giá trị trong khoảng 0 đến 99°C (0 đến 210°F).

Ngoại trừ model PH 3 và EC 7

Điều chỉnh lại nhiệt độ

Điều chỉnh chênh lệch nhiệt độ của điện cực (A.T.C.) ở 25°C (77°F) và 85°C (185°F). Ngoại trừ model PH 3 và EC 7

Hiệu chuẩn pH

Technical buffers DIN 19267: pH 2.00, 4.01, 7.00, 9.21 và 10.01 (Giá trị ở 25°C)(77°F). DIN 19266 buffers: 1.679, 4.006, 6.865, 7.000, 9.180, 10.012 và 12.454 ở 25°C (77°F). Dung dịch đệm chỉ định của người sử dụng. Có thể chọn 1, 2 hay 3 dung dịch đệm trong dải đo. Hiệu chuẩn tại bất kì giá trị pH (hiệu chuẩn gián tiếp). Điều chỉnh thông số hiệu chuẩn. Lập trình hiệu chuẩn còn hợp lệ từ 0h đến 7 ngày. Tự động từ chối tiếp nhận điện cực trong điều kiện hoạt động kém

Hiệu chuẩn mV

Tự động nhận diện dung dịch chuẩn redox 220 mV ở 25°C (77°F). Hiệu chuẩn tại bất kì giá trị mV nào.

Hiệu chuẩn ISE

Có thể chọn 2 đến 5 điểm chuẩn. Tùy chọn đơn vị hiệu chuẩn: mol/L, M, mmol/L, mM, μmol/L, g/L, mg/L, ppm và %. Tối đa 4 đường hiệu chuẩn mỗi kênh (chỉ đối với model MM 340 và MM 374).

Hiệu chuẩn độ dẫn điện

Dung dịch chuẩn: 147 μS/cm, 1413 μS/cm, 12.88 mS/cm và 111.8 mS/cm [giá trị ở 25°C (77°F)]. Demal, 1409 μS/cm, 12.85 mS/cm và 111.31 mS/cm (25°C). NaCl 0.05% (1014.9 μS/cm at 25°C). Với 1, 2 hay 3 dung

dịch chuẩn nằm trong dải đo. Hiệu chuẩn đặc biệt tại bất kì độ dẫn điện, độ muối hay TDS. Đưa vào hằng số cell. Lập trình hiệu chuẩn còn hợp lệ từ 0 đến 99 ngày.

Model EC 5 và EC 7 chỉ hiệu chuẩn tại 147 μS/cm, 1413 μS/cm, 12.88 mS/cm và 111.8 mS/cm [giá trị ở 25°C (77°F)].

Hệ số chuyển đổi sang TDS

Giá trị từ 0 đến 4.44. Mặc định là 0.64.

Kết nối với thiết bị ngoài

1 khuấy từ (tất cả máy để bàn)

1 khuấy từ chọn thêm (chỉ với máy đa thông số)

Máy in hay máy tin, bàn phím ngoài hoặc máy đọc mã vạch (ngoại trừ model EC 7 và PH 3)

Chống thấm nước

IP42

Kích thước

350 x 200 x 110 mm

Vật liệu

Vỏ bên ngoài, ABS và PC. Phím bấm, PET có xử lý bảo vệ

Khối lượng

1100 g (800 g PH 3 model)

Điện cực sensION+ cho máy cầm tay



Thông số

	pH Combination Sử dụng thông thường	pH Combination Nước thải	pH Combination Độ dẫn thấp, nhiệt độ cao	ORP / Redox	DO
Đặc điểm		With Working Protector Open Junction	With Working Protector, PTFE Junction		
Dải đo	0 đến 14 pH	0 đến 14 pH	0 đến 14 pH	±2000 mV	0.03 mg/L đến bão hòa
Thang đo nhiệt độ	0 đến 80°C	0 đến 80°C	0 đến 100°C	0 đến 80°C	0 đến 60°C
Cảm biến nhiệt độ	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000	—	NTC
Kích thước	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 120 mm (w/o handle)
Loại cảm biến	Thủy tinh	Thủy tinh	Thủy tinh	Platinum Annular	Polarographic Silicone/PTFE Membrane
Vật liệu thân điện cực	Polycarbonate	Thủy tinh	Thủy tinh	Polycarbonate	PPS
Dung dịch chambers	Gel	Solid	Gel	Gel	—
Mã sản phẩm	LZW5050T.97.002	LZW5051T.97.002	LZW5052T.97.002	LZW5055.97.0002	LZW5120.97.0002



Thông số

	Độ dẫn điện Sử dụng thông thường	Độ dẫn điện Robust	Đa thông số **	Đa thông số *	Đa thông số **
Đặc điểm	—	Robust Titanium Body	pH, độ dẫn điện, ORP	pH, ORP	pH, độ dẫn điện
Dải đo	0.2 µS/cm đến 200 mS/cm	5 µS/cm đến 50 mS/cm	0 đến 14 pH 25-200 mS/cm ±2000 mv	0 đến 14 pH ±2000 mV	0 đến 14 pH 5 µS/cm–30 mS/cm
Thang đo nhiệt độ	0 đến 80°C	0 đến 80°C	0 đến 80°C	0 đến 80°C	0 đến 80°C
Cảm biến nhiệt độ	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000
Kích thước	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 85 mm (w/o handle)
Loại cảm biến	Platinum	Titanium	pH: Thủy tinh Cond: Platinum; ORP: Platinum	pH: Thủy tinh ORP: Platinum	pH: Thủy tinh Cond.: Titanium
Vật liệu thân điện cực	Polycarbonate	Titanium	Polycarbonate	Polycarbonate	Polycarbonate
Dung dịch chambers	—	—	Gel	Gel	Gel
Mã sản phẩm	LZW5060.97.0002	LZW5062.97.0002	LZW.5048.97.0002	LZW5045.97.0002	LZW5059.97.0002

*Chỉ sử dụng cho máy MM110 Meter. **Chỉ sử dụng cho máy MM150.

Điện cực sensION+ cho máy để bàn



Thông số

	pH Combination Sử dụng thông thường	pH Combination Có Silver Ion Barrier	pH Combination Nước thải	pH Combination Lực ion thấp
Đặc điểm		2 cầu nối sứ	Cầu nối mở	Cầu nối ống bọc ngoài, không tắc nghẽn
Dải đo	0 đến 14 pH	2 đến 14 pH	2 đến 14 pH	0 đến 14 pH
Thang đo nhiệt độ	0 đến 80°C	-10 đến 100°C	0 đến 80°C	0 đến 60°C
Cảm biến nhiệt độ	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000	Pt 1000
Kích thước	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)
Loại cảm biến	Thủy tinh	Thủy tinh	Thủy tinh	Thủy tinh
Vật liệu thân điện cực	Polycarbonate	Thủy tinh	Thủy tinh	Thủy tinh
Dung dịch chậm	Gel	3 M KCl (refillable)	Solid Polymer	3 M KCl (refillable)
Mã sản phẩm	LZW5010T.97.002	LZW5014T.97.002	LZW5011T.97.002	LZW5021T.97.002



Thông số

	Độ dẫn điện Sử dụng thông thường	ORP Gel	ORP Refillable
Đặc điểm	—	Gel	Có thể châm mới
Dải đo	0.2 μ S/cm đến 200 mS/cm	$\pm$ 2000 mV	$\pm$ 2000 mV
Thang đo nhiệt độ	0 đến 80°C	0 đến 80°C	0 đến 80°C
Cảm biến nhiệt độ	Pt 1000	—	—
Kích thước	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)	12 mm (D) x 130 mm (w/o handle)
Loại cảm biến	Platinum	Platinum	Platinum
Vật liệu thân điện cực	Thủy tinh	Thủy tinh	Thủy tinh
Dung dịch chậm	—	Gel	3 M KCl (refillable)
Mã sản phẩm	LZW5070.97.0002	LZW5056.97.0002	LZW5057.97.0002

Điện cực ISE sensION+



Thông số

	Natri ISE	Clorua ISE	Florua ISE	Nitrat ISE
Kiểu thiết kế		Không dung dịch điện ly bên trong hoặc không cần màng thay thế; không bảo dưỡng	Không dung dịch điện ly bên trong hoặc không cần màng thay thế; không bảo dưỡng	Không dung dịch điện ly bên trong hoặc không cần màng thay thế; không bảo dưỡng
Dải đo	0.05 đến 23,000 mg/L Na ⁺	1 đến 35,000 mg/L Cl ⁻	0.02 đến 20,000 mg/L F ⁻	0.4 đến 62,000 mg/L NO ₃ ⁻
Thang đo nhiệt độ	0 đến 60°C	5 đến 50°C	5 đến 50°C	5 đến 40°C
Kích thước	12 mm (D) x 120 mm	12 mm (D) x 120 mm	12 mm (D) x 120 mm	12 mm (D) x 120 mm
Loại cảm biến	Màng thủy tinh chọn lọc ion Natri	Màng chọn lọc clorua dạng rắn	Màng chọn lọc florua dạng rắn	Màng polymer chọn lọc nitrat dạng rắn
Vật liệu thân điện cực	Thủy tinh	ABS	ABS	ABS
Dung dịch châm	Không	Không	Không	Không
Mã sản phẩm	LZW9650.97.0002	LZW9652.97.0002	LZW9655.97.0002	LZW9662.97.0002



Thông số

	Ammonium ISE	Ammonia ISE	Điện cực tham chiếu
Kiểu thiết kế	Không dung dịch điện ly bên trong hoặc không cần màng thay thế; không bảo dưỡng	Kết hợp	Cầu nối kép, điện cực tham chiếu cho ISEs, cầu muối bằng sứ lớn
Dải đo	0.9 đến 1,800 mg/L NH ₄ ⁺	0.06 đến 17,000 mg/L as NH ₃	—
Thang đo nhiệt độ	5 đến 40°C	0 đến 50°C	0 đến 60°C
Kích thước	12 mm (D) x 120 mm	12 mm (D) x 149 mm	12 mm (D) x 120 mm
Loại cảm biến	Dạng rắn, màng polymer chọn lọc ion amoni	Màng chọn lọc khí amoniac	—
Vật liệu thân điện cực	ABS	ABS	Thủy tinh
Dung dịch châm	Không	Không	Gel w/Lithium Acetate Electrolyte
Mã sản phẩm	LZW9663.97.0002	5192700	LZW5044.97.0002

Thông số kỹ thuật điện cực sensION+

Nhiệt độ

Khoảng: xem bảng điện cực hoặc trang web www.hach.com
Độ nét: 0.10C (0.10F)
Độ chính xác: > 0.30C

pH

Khoảng: 0 – 14 (ngoại trừ model 5011T và 5051T: 2 – 14 pH)
Độ nét: 0.1/0.01/0.001 (ngoại trừ model cầm tay và PH 3: 0.01)

ORP/Redox

Khoảng: ±1999 mV (ngoại trừ model MM 110)
Độ nét: 1/0.1 mV (ngoại trừ model cầm tay và PH 3: 0.1 mV)

Độ dẫn điện

Khoảng: xem bảng điện cực hoặc trang web www.hach.com
Độ nét: 0.00 đến 199.9 mS/cm (Khoảng tự động, tối đa là 5 số)

Tổng chất rắn hòa tan (TDS)

5060: 0.1 mg/L – 128 g/L
5062: 3 mg/L – 32 g/L
5070: 0.1 mg/L – 128 g/L (F = 0.64)
Độ nét: 0 đến 9.99, 99.9, 999 mg/L, 9.99, 199.9 g/L

Độ muối

5060: 0 mg/L – 200 g/L
5062: 3 mg/L – 30 g/L
5070: 0 mg/L – 200 g/L
Độ nét: 0.0 đến 1999 mg/L, 2.0 –

50.0 g/L

Điện trở suất

Dải đo: 0 Ohm – 500 mOhm
Độ phân giải: 0.0 – 1999 mg/L, 2.0 – 50.0 g/L

Oxy hòa tan

Dải đo: xem bảng điện cực hoặc trang web www.hach.com
Độ phân giải: 0 đến 199.9%, 200 – 600, 0.00 – 19.99 mg/L, 20.0 đến 60.0 mg/L

Áp suất cực đại

6 bar

Chống thấm nước

Cầm tay: IP67 (ngoại trừ điện cực tái sử dụng)

Đầu gắn điện cực

Cầm tay: MP-5 hay MP-8 (Multi-sensors)
Đế bàn: pH/ISE/ORP với BNC connector (Banana connector for ATC)
EC: Telephonic

Chiều dài cáp

pH: 1 meter (3.3 ft)
EC: 1 meter (3.3 ft)
ISE: 1.5 meter (4.9 ft)
DO: 3 meter (9.8 ft)

Kích thước

12 x 85 mm (D x L without handle)

Bộ kit máy để bàn và điện cực sensION+

Thiết kế nâng cao cho 1 bộ hoàn chỉnh. Tất cả bộ máy để bàn bao gồm: bộ làm việc với máy khuấy tích hợp, dung dịch đệm, dung dịch chuẩn, môi trường lưu trữ, ống định mức dung hiệu chuẩn, và các phụ kiện để khởi động nhanh

Mã sản phẩm	Mô tả
LPV2010T.97.002	Bộ benchtop pH cơ bản (tổng quát) Máy đo pH SensION+ PH3 với điện cực pH 5010T đa năng và điện cực nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước
LPV2011T.97.002	Bộ máy để bàn đo pH nâng cao (dùng cho mẫu bị nhiễm bẩn) Máy đo SensION+ PH3 với cầu nối mở, điện cực pH 5011T và điện cực nhiệt độ. Dùng cho mẫu có hàm lượng rắn cao hoặc nhớt.
LPV2014T.97.002	Bộ benchtop pH nâng cao (hiệu suất cao) Máy đo SensION+ PH3 với cầu nối kép pH 5041T và điện cực nhiệt độ. Cho sulfur, đường khử hoặc các chất phản ứng với ion Ag ⁺ .
LPV2021T.97.002	Bộ benchtop pH nâng cao (mẫu khó phân tích) Máy đo SensION+ PH3 với điện cực pH 5021T clog-free pH 5021T và điện cực nhiệt độ. Cho những mẫu dạng kem, dạng keo, dạng nhũ tương, và có lực ion yếu.
LPV2110T.97.002	Bộ để bàn pH cơ bản (tổng quát) Máy đo SensION+ GLP PH31 với điện cực pH 5010T đa năng và điện cực nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV2111T.97.002	Bộ benchtop pH nâng cao (tổng quát) Máy đo SensION+ GLP PH31 với cầu nối mở điện cực pH 5011T và điện cực nhiệt độ. Dùng cho mẫu có hàm lượng rắn cao hoặc nhớt.
LPV2114T.97.002	Bộ để bàn pH nâng cao (hiệu suất cao) Máy đo SensION+ pH MM340 và ISE GLP với cầu nối kép pH 5041T và điện cực nhiệt độ. Cho sulfur, đường khử hoặc các chất phản ứng với ion Ag ⁺
LPV2121T.97.002	Bộ để bàn pH nâng cao (mẫu khó phân tích) Máy đo SensION+ GLP PH31 với điện cực clog-free pH 5021T và điện cực nhiệt độ. Cho những mẫu dạng kem, dạng keo, dạng nhũ tương, và lực ion yếu
LPV2210T.97.002	Bộ để bàn pH cơ bản (tổng quát) Máy đo SensION+ pH MM340 và ISE GLP với điện cực pH 5010T đa năng và điện cực nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV2211T.97.002	Bộ để bàn pH nâng cao (dùng cho mẫu bị nhiễm bẩn) Máy đo SensION+ pH MM340 và ISE GLP với cầu nối mở điện cực pH 5011T và điện cực nhiệt độ. Dùng cho mẫu có hàm lượng rắn cao hoặc nhớt.
LPV2214T.97.002	Bộ để bàn pH nâng cao (hiệu suất cao) Máy đo SensION+ pH MM340 và ISE GLP với cầu nối kép pH 5041T và điện cực nhiệt độ. Cho sulfur, đường khử hoặc các chất phản ứng với ion Ag ⁺
LPV2221T.97.002	Bộ để bàn pH nâng cao (mẫu khó phân tích) Máy đo SensION+ pH MM340 và ISE GLP với điện cực clog-free pH 5021T và điện cực nhiệt độ. Cho những mẫu dạng kem, dạng keo, dạng nhũ tương, và lực ion yếu
LPV3070.97.0002	Bộ để bàn độ dẫn điện cơ bản Máy đo SensION+ EC7 với thiết bị dẫn 5070 đa năng và tế bào nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV3170.97.0002	Bộ để bàn độ dẫn điện nâng cao Máy đo SensION+ EC71 với thiết bị dẫn 5070 đa năng và tế bào nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước
LPV4140.97.0002	Bộ để bàn độ dẫn điện và pH nâng cao (hiệu suất cao) Máy đo SensION+ pH MM374, thiết bị dẫn và ISE GLP với cầu nối kép 5014 pH và thiết bị dẫn 5070 đa năng với tế bào nhiệt độ. Cho sulfur, đường khử hoặc phản ứng ion Ag ⁺

Bộ kit máy đi hiện trường và điện cực

Hiện trường cụ thể xem như là một phòng thí nghiệm di động. Tất cả bộ kit đo ngoài hiện trường bao gồm: vali xách mang ngoài hiện trường, dung dịch đệm, dung dịch chuẩn, môi trường lưu trữ, ống hiệu chỉnh, và phụ kiện hỗ trợ khởi động nhanh.

Mã sản phẩm	Mô tả
LPV2550T.97.002	Bộ kit đo pH cơ bản tại hiện trường (tổng quát) Máy đo SensION+ PH1 với 5050T pH đa năng và điện cực nhiệt độ. Ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nước
LPV2551T.97.002	Bộ kit đo pH nâng cao tại hiện trường (dùng cho những mẫu bị nhiễm bẩn) Máy đo SensION+ PH1 với cầu nối mở 5051T pH và điện cực nhiệt độ. Dùng cho mẫu có hàm lượng rắn cao hoặc nhớt.
LPV2552T.97.002	Bộ kit đo pH nâng cao tại hiện trường (hiệu suất cao) Máy đo SensION+ PH1 liên hệ tốt với 5052T pH và điện cực nhiệt độ. Cho những mẫu dạng kem, dạng keo, dạng nhũ tương, và lực ion yếu
LPV2555.97.0002	Bộ kit ORP cơ bản đo ngoài hiện trường Máy đo SensION+ PH1 với điện cực ORP 5055. Dùng để xử lý những chất thải hóa học, dẫn điện, và ứng dụng tổng quát cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV3560.97.0002	Bộ kit độ dẫn điện cơ bản đo ngoài hiện trường Máy đo SensION+ EC5 với thiết bị dẫn đa năng 5060 và cảm biến nhiệt độ. Ứng dụng tổng quát cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV3562.97.0002	Bộ kit độ dẫn điện nâng cao đo ngoài hiện trường Máy đo SensION+ EC5 với thiết bị dẫn mạnh titan 5062 và tế bào nhiệt độ. Ứng dụng cho những môi trường nền khó phân tích
LPV4551.97.0002	Bộ kit đo oxy hòa tan cơ bản đo ngoài hiện trường Máy đo SensION+ DO6 với DO nghiên cứu cực phổ mạnh 5021 và điện cực nhiệt độ. Ứng dụng tổng quát cho các vấn đề liên quan đến nước
LPV2645.97.0002	Bộ kit đa sensor đo pH và ORP nâng cao tại hiện trường Máy đo SensION+ MM110 với nhiều sensor pH 5045, ORP, và nhiệt độ. Ứng dụng tổng quát cho các vấn đề liên quan đến nước.
LPV4059.97.0002	Bộ kit đa sensor đo pH và độ dẫn điện nâng cao tại hiện trường Máy đo SensION+ MM150 với nhiều sensor pH 5059, ORP, và nhiệt độ. Ứng dụng tổng quát cho các vấn đề liên quan đến nước và nông nghiệp.
LPV4048.97.0002	Bộ kit đa sensor đo pH, độ dẫn điện, và ORP nâng cao tại hiện trường Máy đo SensION+ MM150 với nhiều sensor pH 5048, độ dẫn điện, ORP, và nhiệt độ. Ứng dụng cho xử lý chất thải và các vấn đề chung liên quan đến nước.



Phụ kiện cho sensION+

Mã sản phẩm	Mô tả
LZW8201.99	Máy in nhiệt, RS 232, cho máy để bàn sensION+
LZW9117.99	Giấy cho máy in nhiệt LZW8201.99, túi 5 cuộn
LZW8200.99	Máy in nén-điểm, RS 232, cho sensION+
LZW9000.99	Giấy in chuẩn cho máy in LZW8200, túi 10 cuộn.
LZW9001.99	Ruy băng cho máy in LZW8200.99, 3 units
LZW9135.99	Cáp RS232, cho máy để bàn sensION+
LZW9135USB.99	Cáp RS232 cho máy để bàn sensION+ với USB adapter
LZW9319.99	Khuấy từ với thanh cắm điện cực, cho máy để bàn sensION MM
LZW9267.99	Thanh cắm và kẹp giữ một điện cực cho sensION+ cầm tay
LZW9137.97	3x10 mL ống định mức dùng hiệu chuẩn pH cầm tay, US
LZW9138.99	3x10 mL ống định mức dùng hiệu chuẩn độ dẫn cầm tay
LZW5125.99	Màng thay thế cho điện cực D.O. LZW5120
LZW5126.99	Ống bảo vệ điện cực-dùng hiệu chuẩn D.O LZW5120
LZW9320.99	Thanh giữ 1 sensor, cho thiết bị sensION+ để bàn
LZW9321.99	Thanh giữ 3 sensor, cho thiết bị sensION+ để bàn
LZW9110.97	Ống định mức 3x50 mL cho hiệu chỉnh pH để bàn, US
LZW9111.99	Bình định mức 3x50 mL cho hiệu chỉnh độ dẫn để bàn
LZW9155.99	Thanh cắm và kẹp giữ cho 3 sensor, sensION+
LZW9118.99	Bình hồ phách thủy tinh Pyrex, đo dòng chảy liên tục, sensION+
LZW9161.99	Đồ bảo vệ PP, lưu trữ điện cực, sensION+
LZW9162.99	Đồ bảo vệ PP, để đo đặc, sensION+



Lit. No. 2714

I10 Printed in U.S.A.

©Hach Company, 2010. All rights reserved.

Để cải thiện và cập nhật thông tin các thiết bị, Hach xin giữ quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của thiết bị bất cứ lúc nào.

At Hach, it's about learning from our customers and providing the right answers. It's more than ensuring the quality of water—it's about ensuring the quality of life. When it comes to the things that touch our lives...

Keep it pure.

Make it simple.

Be right.

For current price information, technical support, and ordering assistance, contact the Hach office or distributor serving your area.

In the United States, contact:

HACH COMPANY World Headquarters
P.O. Box 389
Loveland, Colorado 80539-0389
U.S.A.
Telephone: 800-227-4224
Fax: 970-669-2932
E-mail: orders@hach.com
www.hach.com

U.S. exporters and customers in Canada, Latin America, sub-Saharan Africa, Asia, and Australia/New Zealand, contact:

HACH COMPANY World Headquarters
P.O. Box 389
Loveland, Colorado 80539-0389
U.S.A.
Telephone: 970-669-3050
Fax: 970-461-3939
E-mail: intl@hach.com
www.hach.com

In Europe, the Middle East, and Mediterranean Africa, contact:

HACH LANGE GmbH
Willstätterstraße 11
D-40549 Düsseldorf
GERMANY
Tel: +49 (0) 211 5288-0
Fax: +49 (0) 211 5288-143
E-mail: info@hach-lange.de
www.hach-lange.com



Be Right™